

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HS-ST
Ngày: 09/02/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Tới; Bà Trần Thị Thanh Bình; Ông Nguyễn Danh Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Trịnh Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 256/2025/TLST-HS ngày 18/12/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-HS ngày 27/01/2026 đối với bị cáo:

Lê Thị H; giới tính: nữ; tên gọi khác: không; sinh ngày 20 tháng 6 năm 1985, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn H, xã T, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ CCCD: 038185015657; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1952 và bà Lê Thị P, sinh năm 1952; Có chồng là Đỗ Danh T1, sinh năm 1986 và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/12/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Nội ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị cáo đối với Lê Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an Thành phố Hà Nội (tạm giam trong vụ án do Cơ quan CSĐT Công an TP Hà Nội thụ lý).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Đại X, Luật sư Văn phòng Luật M, đoàn Luật sư tỉnh T; Địa chỉ: Số C, phường H, tỉnh Thanh Hoá (vắng mặt);

- Bị hại: Anh Lữ Trọng L, sinh năm 1989; Cư trú tại: Khu phố X, phường S, tỉnh Thanh Hoá (có mặt);

- Người làm chứng: Chị Trần Thị Tr, sinh năm 1985 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lê Thị H bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Thị H là nhân viên hợp đồng tại Phòng bán hàng của Trung tâm viễn thông huyện L (cũ) trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến tháng 3/2020.

Vào ngày 12/10/2019, H tham gia buổi họp lớp cấp 3 và gặp lại bạn học cũ cùng lớp là chị Trần Thị Tr, sinh năm 1985, trú tại số E, phường B, thành phố S (nay thuộc tổ dân phố T, phường N), tỉnh Thanh Hóa. Tại buổi gặp gỡ, chị Tr chia sẻ với mọi người về việc hiện chưa có việc làm, nếu ai có công việc gì thì giới thiệu. Vài ngày sau đó, H đã chủ động liên lạc cho chị Tr, giới thiệu với Tr rằng bản thân đang công tác tại Trung tâm Viễn thông huyện L (cũ) và có mối quan hệ thân thiết với một người tên N, là Trưởng phòng Kế hoạch của Ngân hàng Agribank - Chi nhánh L (cũ). H nói mình thường thông qua người này để thực hiện việc cho vay đáo hạn ngân hàng nhằm hưởng chênh lệch lãi suất để kiếm lợi nhuận. Đồng thời, H đặt vấn đề nếu Tr có tiền thì chuyển cho H để cùng thực hiện việc cho vay đáo hạn, được hưởng lãi suất cao. Tin tưởng lời H, Tr đồng ý và ngày 15/10/2025 Tr đã chuyển cho H 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) từ tài khoản số 102000928185 Ngân hàng TMCP-Công Thương Việt Nam đến tài khoản số 3509205044845 ngân hàng Agribank Chi nhánh L, tỉnh Thanh Hóa để “làm vốn cho vay đáo hạn ngân hàng”.

Đến ngày 16/10/2019, H liên lạc tiếp với Tr nội dung có hồ sơ vay vốn khác và đề nghị chuyển thêm tiền, nhưng thời điểm này Tr không còn tiền. Tr đã liên hệ với anh Lữ Trọng L, sinh năm 1989, trú tại khu phố X, phường T, thành phố S (nay là phường S), tỉnh Thanh Hóa, trao đổi về việc đang làm ăn với H bằng hình thức nêu trên và rủ anh L cùng góp tiền với mục đích cho H vay để đáo hạn ngân hàng kiếm lời. Anh L đồng ý và đã nhiều lần chuyển tiền cho chị H, cụ thể như sau:

1. Sáng ngày 16/10/2019: H thông báo với Tr có khoản đáo hạn ngân hàng 200.000.000 đồng, thời hạn 02 ngày, tiền lãi 6.000.000 đồng. Tr báo lại cho L nhưng nói mức lãi là 4.000.000 đồng. Do chưa quen biết trực tiếp với H, L chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản của Tr để Tr chuyển lại cho H.

2. Cùng trong ngày 16/9/2019, H tiếp tục nói với Tr có khoản đáo hạn khác 100.000.000 đồng, thời hạn 02 ngày, lãi 4.000.000 đồng; Tr báo lại với L là 2.000.000 đồng và L đồng ý. L nhờ chị Trần Thị L1 chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản của H. Ngày 17/10/2019, H chuyển cho Tr 10.000.000 đồng tiền lãi; Tr chuyển lại 6.000.000 đồng cho L (nội dung chuyển khoản: “lãi 300 triệu ngày 16/10”). Số tiền gốc 300.000.000 đồng được các bên thống nhất để H tiếp tục “làm vốn” cho vay đáo hạn.

3. Ngày 18/10/2019: H thông báo có khoản đáo hạn 400.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày, lãi 10.000.000 đồng; Tr báo lại cho L mức lãi 7.000.000 đồng. Do trước đó còn 300 triệu “đang quay vòng”, L chỉ chuyển thêm 100.000.000 đồng vào tài khoản của H. Đến ngày 28/10/2019, H chuyển 10.000.000 đồng lãi cho Tr; Tr chuyển lại 7.000.000 đồng cho L. Số tiền gốc 400.000.000 đồng tiếp tục để lại cho H.

4. Ngày 02/11/2019, H báo có khoản đáo hạn 550.000.000 đồng, thời hạn 07 ngày, lãi 20.000.000 đồng; Tr nói lại với L là 16.000.000 đồng. Tối cùng ngày, Tr và L gặp trực tiếp H tại quán cà phê ở phố M, phường Q (nay là phường P), TP. Thanh Hóa; tại đây L đưa thêm cho H 150.000.000 đồng tiền mặt (không lập giấy biên nhận). Ngày 09/11/2019, H chuyển vào tài khoản cho Tr 20.000.000 đồng tiền lãi; Tr chuyển lại 16.000.000 đồng cho L. Gốc 550.000.000 đồng anh L thống nhất để lại cho H làm vốn tiếp tục thực hiện cho vay đáo hạn.

Sau ngày 02/11/2019, trao đổi qua Zalo, L biết Tr được hưởng phần chênh lệch lãi suất do H chi trả, nên L và H thống nhất sẽ giao dịch trực tiếp, không thông qua Tr nữa. Theo yêu cầu của H, L nói với Tr rằng H đã thanh toán xong các khoản trước, nhằm chấm dứt mối quan hệ “làm ăn” giữa H và Tr.

5. Ngày 06/11/2019, H báo với L có khoản đáo hạn 100.000.000 đồng, thời hạn 03 ngày (L không nhớ rõ mức lãi). Theo hướng dẫn của H, L chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 3509215007534 của Phạm Thị T, trú tại phố L, thị trấn L (nay là xã L), tỉnh Thanh Hóa. L chưa nhận được tiền lãi của khoản này.

6. Ngày 09/11/2019 H nói có khoản đáo hạn 750.000.000 đồng, thời hạn 20 ngày, lãi 50.000.000 đồng. Do H đang giữ của L 550.000.000 đồng (từ 09/11/2019) và 100 triệu (chuyển ngày 06/11/2019 qua Phạm Thị T), H yêu cầu L chuyển thêm 100.000.000 đồng. L chỉ còn 35.000.000 đồng nên chuyển cho H số tiền này.

7. Ngày 11/11/2019: H báo có khoản đáo hạn 200.000.000 đồng, thời hạn 14 ngày (L không nhớ rõ mức lãi). L đồng ý và chuyển cho H 200.000.000 đồng.

8. Ngày 18/11/2019: H báo có khoản đáo hạn 150.000.000 đồng, thời hạn 02 ngày (L không nhớ mức lãi). H nói sắp về nhà bố mẹ để nên nhờ L đưa tiền cho ông Lê Văn T (bố của H). L đồng ý và giao tiền cho ông T để chuyển lại cho H.

Tổng số tiền mà bị cáo Lê Thị H đã nhận của anh Lữ Trọng L là **1.035.000.000** đồng (một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Sau khi nhận tiền, H đã trả nợ cho chị Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1985, ở khu phố Ch, thị trấn L, huyện L (cũ); ông Lê Văn Í, sinh năm 1968, ở khu phố Ni, thị trấn L, huyện L (cũ); ông Lê Đình C, sinh năm 1986, ở khu phố L, thị trấn L, huyện L (cũ); chị Phạm Thị T, sinh năm 1979, ở khu phố L, thị trấn L (cũ) và tiêu

dùng cá nhân hết. Những người được trả nợ hoàn toàn không biết nguồn gốc của số tiền mà họ được trả.

Khi không còn khả năng thanh toán, H nghỉ việc bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 04/12/2024, H bị Cơ quan CSĐT Công an TP. Hà Nội bắt về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Quá trình điều tra, H thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được.

**** Xác minh tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh L:***

Có hai cán bộ tên N (Trịnh Tiến N và Nguyễn Hoài N) cùng công tác tại Phòng Kế hoạch kinh doanh. Cả hai người đều khẳng định không quen biết, không nhận tiền, không tham gia bất kỳ việc đảo nợ nào liên quan đến Lê Thị H.

**** Kết quả trưng cầu giám định:***

Ngày 28/10/2020, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã ra quyết định số 4238/VPCQCSĐT-Đ2 trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định kỹ thuật số và điện tử đối với 04 đoạn hội thoại ghi âm trò chuyện giữa bị hại Lữ Trọng L và bị cáo Lê Thị H và một số người liên quan do anh L cung cấp. Tại Bản kết luận giám định số 7669/C09-P6 ngày 04/03/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (BL: 87-94) kết luận:

- *Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tập tin ghi âm gửi giám định.*

- *Nội dung các tập tin âm thanh được dịch ra thành văn bản (chi tiết được thể hiện trong 01 bản dịch kèm theo).*

**** Vật chứng thu giữ:*** Không.

**** Trách nhiệm dân sự:*** Số tiền **1.035.000.000** đồng (Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu đồng) mà Lê Thị H đã chiếm đoạt của anh Lữ Trọng L, đến nay bị cáo vẫn chưa khắc phục trả lại cho anh L. Quá trình điều tra, anh L đề nghị bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường lại đủ số tiền nêu trên (không tính lãi suất).

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKS-P2 ngày 16/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS. Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 4 điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 13 năm đến 14 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do có hoàn cảnh khó khăn; Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3

Điều 106 BLTTHS; Các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải trả cho người bị hại 1.035.000.000đồng (Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu đồng); Về xử lý vật chứng: Không; Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DS theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa của bị cáo gửi văn bản có ý kiến đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố; Thống nhất về đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hiện hoàn cảnh của bị cáo rất khó khăn, để áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xem xét giảm nhẹ hình phạt, xử mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo .

Bị cáo Lê Thị H đồng ý với quan điểm của Luật sư.

Người bị hại đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm về hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho người bị hại số tiền 1.035.000.000đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng, việc vắng mặt người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung : Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau , phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra , các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Từ ngày 12/10/2019 đến ngày 18/11/2019, bằng thủ đoạn gian dối Lê Thị H đã đưa ra các thông tin rằng bản thân có quen biết với người tên N, Trưởng phòng Kế hoạch

Ngân hàng Agribank chi nhánh L (cũ), có khả năng “làm dịch vụ cho vay đáo hạn ngân hàng” để hưởng lợi nhuận cao. Tin tưởng H nên anh Lữ Trọng L đã cùng tham gia góp vốn, ban đầu H trả lãi đầy đủ để tạo lòng tin, kể từ 16/10/2019 đến 18/11/2019, H đã 08 lần nhận tiền của anh L với tổng số 1.035.000.000đ (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu đồng*). Số tiền này H không dùng để thực hiện dịch vụ đáo hạn ngân hàng như đã nói mà H dùng để trả nợ và tiêu dùng cho cá nhân. Khi không còn khả năng trả nợ, anh L nhiều lần yêu cầu trả lại tiền gốc thì H đưa ra nhiều lý do để trì hoãn, sau đó H bỏ trốn khỏi địa phương từ tháng 3/2020 cho đến ngày 04/12/2024 H bị bắt giữ trong vụ án do Cơ quan CSĐT Công an quận N, TP. Hà Nội thụ lý.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị H đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của anh Lữ Trọng L là 1.035.000 đồng, do đó hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000đ trở lên*”, theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

[3]. Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Về nhân thân: Ngày 12/12/2024, bị cáo bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Nội ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị cáo đối với về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

+ Về tình tiết tăng nặng: Bằng thủ đoạn gian dối, trong thời gian từ 16/10/2019 đến 18/11/2019, Lê Thị H đã lừa đảo để anh Lữ Trọng L chuyển cho H 08 lần, với tổng số tiền là 1.035.000.000 đồng; Như vậy, mỗi lần số tiền anh L bị H chiếm đoạt đều đủ yếu tố cấu thành nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng, đảm bảo tính cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, bị cáo không có thu nhập ổn định và hình phạt chính là phạt tù có thời hạn đã nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự : Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại anh Lữ Trọng L số tiền 1.035.000.000đồng.

[6]. Các tình tiết khác của vụ án:

Chị Trần Thị Tr: Do tin tưởng sự giới thiệu từ Lê Thị H, bản thân Tr cũng chuyển tiền cho H để H làm đảo hạn ngân hàng nhằm kiếm lợi nhuận. Khi H nói có thêm các khoản đảo hạn khác và đề nghị chuyển thêm tiền, thì chị Tr đã giới thiệu cho anh Lữ Trọng L cùng tham gia. Bản thân chị Tr không được hưởng lợi gì từ H và hoàn toàn không biết mục đích của H nên không có căn cứ để xử lý đối với Trần Thị Tr. Đối với số tiền mà chị Tr chuyển cho H, H đã trả lại đầy đủ cho chị Tr

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị H 13 (Mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho Lữ Trọng L số tiền 1.035.000.000đ (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu đồng*)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí , lệ phí Tòa án : bị cáo Lê Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 43.050.000đ án phí dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa (P2);
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Dung